

DANH SÁCH ĐIỂM MÔN HỌC GDQP&AN
Sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
(Khóa học: 04/7/2023-24/7/2023)

STT	Họ và tên	Tên lớp	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Chuyên ngành	K5	K8	K3	Điểm	Xếp loại	Ghi chú
							Điểm học phần	Điểm học phần	Điểm học phần			
1	Hồ Nguyễn Huỳnh Cường	CD-CBMA16	16/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,6	7,3	7,6	7,1	Khá	
2	Nguyễn Nguyễn Quốc Dũng	CD-CBMA16	04/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,6	5,3	6,7	6,2	Đạt	
3	Nguyễn Trọng Hậu	CD-CBMA16	22/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,4	6,4	5,9	6,2	Đạt	
4	Trần Thế Hiền	CD-CBMA16	05/02/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,9	7,1	6,7	6,9	Đạt	
5	Đinh Ngọc Hiệp	CD-CBMA16	26/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,0	5,1	6,4	5,8	Đạt	
6	Lê Thị Khánh Huyền	CD-CBMA16	08/02/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,9	5,3	6,4	6,2	Đạt	
7	Nguyễn Minh Kiên	CD-CBMA16	30/03/2003	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,2	5,0	6,2	5,8	Đạt	
8	Lê Ngọc Lâm	CD-CBMA16	10/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,8	7,7	7,0	7,2	Khá	
9	Phạm Hồ Minh Lợi	CD-CBMA16	17/04/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,5	7,1	7,4	7,0	Đạt	
10	Võ Thị Minh Nhật	CD-CBMA16	06/02/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,7	7,8	6,3	6,9	Đạt	
11	Nguyễn Văn Tài	CD-CBMA16	24/10/2003	Thanh Hóa	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,1	5,0	5,6	5,6	Đạt	
12	Lê Văn	CD-CBMA16	25/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,4	7,0	6,3	6,5	Đạt	
13	Trần Ngọc Thảo Vy	CD-CBMA16	28/08/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,1	5,2	6,6	5,9	Đạt	
14	Phạm Trung Hậu	CD-CGKL16	14/10/2004	Khánh Hòa	Nam	Cắt gọt kim loại	6,0	7,7	7,1	7,0	Đạt	
15	Võ Trung Kiệt	CD-CGKL16	09/07/2004	Khánh Hòa	Nam	Cắt gọt kim loại	6,0	6,6	6,0	6,2	Đạt	
16	Trương Thành Lập	CD-CGKL16	23/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Cắt gọt kim loại	6,1	7,5	6,6	6,7	Đạt	
17	Lê Đức Minh	CD-CGKL16	08/06/2004	Khánh Hòa	Nam	Cắt gọt kim loại	5,6	5,9	6,4	6,0	Đạt	
18	Nguyễn Ngọc Phú	CD-CGKL16	02/04/2004	Phú Yên	Nam	Cắt gọt kim loại	5,4	5,3	6,4	5,7	Đạt	
19	Lê Anh Tài	CD-CGKL16	16/03/2004	Khánh Hòa	Nam	Cắt gọt kim loại	6,1	7,6	6,9	6,8	Đạt	
20	Trần Quốc Thanh	CD-CGKL16	25/04/2004	Khánh Hòa	Nam	Cắt gọt kim loại	5,5	7,0	7,3	6,6	Đạt	
21	Bùi Trịnh Thành	CD-CGKL16	16/12/2003	Phú Yên	Nam	Cắt gọt kim loại	5,4	7,3	7,0	6,6	Đạt	
22	Phan Chánh Tín	CD-CGKL16	30/06/2004	Khánh Hòa	Nam	Cắt gọt kim loại	6,2	7,1	7,4	6,9	Đạt	
23	Lê Quang Quốc Đạt	CD-CGKL16	06/06/2004	Khánh Hòa	Nam	Cắt gọt kim loại	6,7	7,3	6,2	6,7	Đạt	
24	Lê Đông Quý	CD-CGKL16	05/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Cắt gọt kim loại	5,7	6,7	5,4	5,9	Đạt	
25	Ngô Lê Nguyễn Duy	CD-CGKL16	06/08/2003	Khánh Hòa	Nam	Cắt gọt kim loại	5,9	5,0	6,7	5,9	Đạt	
26	Huỳnh Quang Chương	CD-CN0T16A	07/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,7	7,7	6,7	6,7	Đạt	
27	Lương Anh Duy	CD-CN0T16A	02/11/2004	Phú Yên	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	7,7	7,0	7,0	Khá	
28	Bùi Quốc Dũng	CD-CN0T16A	10/07/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,7	7,5	6,7	7,0	Đạt	
29	Nguyễn Văn Đạt	CD-CN0T16A	06/09/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,3	7,8	6,7	6,9	Đạt	
30	Bùi Minh Hải	CD-CN0T16A	23/07/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,3	7,7	6,9	6,9	Đạt	
31	Bùi Khánh Hòa	CD-CN0T16A	20/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,8	5,0	6,4	6,1	Đạt	
32	Bành Thanh Hùng	CD-CN0T16A	07/01/1996	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	6,3	6,6	6,4	Đạt	
33	Huỳnh Hồ Minh Khôi	CD-CN0T16A	28/08/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	5,0	6,2	5,9	Đạt	
34	Võ Lê Trọng Nghĩa	CD-CN0T16A	02/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,1	7,4	6,6	6,7	Đạt	
35	Lê Tấn Phúc	CD-CN0T16A	09/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	6,0	5,6	6,0	Đạt	
36	Hoàng Quỳnh	CD-CN0T16A	08/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,1	7,6	7,4	7,0	Đạt	
37	Nguyễn Ngọc Tây	CD-CN0T16A	14/06/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,5	6,7	7,1	6,8	Đạt	
38	Nguyễn Tiến Thành	CD-CN0T16A	06/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,1	7,7	6,9	6,9	Đạt	
39	Nguyễn Toàn Thắng	CD-CN0T16A	15/05/2004	Bình Định	Nam	Công nghệ Ô tô	6,1	7,4	6,3	6,6	Đạt	
40	Mâu Minh Thủ	CD-CN0T16A	17/10/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	7,7	6,6	6,9	Đạt	
41	Nguyễn Trọng Tín	CD-CN0T16A	23/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,9	6,6	6,6	6,4	Đạt	
42	Hồ Mạnh Tường	CD-CN0T16A	25/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	5,0	6,7	6,0	Đạt	
43	Lâm Thị Thùy Trang	CD-CN0T16A	07/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Công nghệ Ô tô	6,7	7,9	7,4	7,3	Khá	
44	Trần Thanh Trung	CD-CN0T16A	06/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,1	5,0	6,2	5,8	Đạt	
45	Nguyễn Tấn Vin	CD-CN0T16A	02/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	7,5	6,2	6,7	Đạt	
46	Nguyễn Quốc Dương	CD-CN0T16B	16/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,4	6,6	6,6	6,2	Đạt	

47	Ngô Minh Được	CD-CNOT16B	06/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,1	5,2	6,4	5,9	Đạt	
48	Nguyễn Huy Hoàng	CD-CNOT16B	11/04/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,7	7,7	6,3	6,9	Đạt	
49	Bùi Quốc Huy	CD-CNOT16B	10/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	7,3	8,1	7,0	7,5	Khá	
50	Đỗ Nguyễn Hưng	CD-CNOT16B	21/02/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,6	5,0	6,2	5,9	Đạt	
51	Nguyễn Văn Lợi	CD-CNOT16B	20/06/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	7,4	7,7	6,2	7,1	Khá	
52	Trần Vũ Anh Minh	CD-CNOT16B	23/03/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,8	5,0	6,0	5,9	Đạt	
53	Ngô Hoàng Nam	CD-CNOT16B	28/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,7	5,0	6,2	5,6	Đạt	
54	Huỳnh Văn Phú	CD-CNOT16B	15/04/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	7,7	7,0	7,0	Khá	
55	Dương Đình Tâm	CD-CNOT16B	17/02/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	5,0	6,7	6,0	Đạt	
56	Nguyễn Thành Tiến	CD-CNOT16B	28/08/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,6	7,6	6,7	7,0	Đạt	
57	Huỳnh Phạm Trọng Tín	CD-CNOT16B	26/05/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,8	5,9	6,4	6,0	Đạt	
58	Nguyễn Thái Trân	CD-CNOT16B	09/02/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	7,2	7,7	7,1	7,3	Khá	
59	Nguyễn Đức Nhật Truân	CD-CNOT16B	27/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,7	8,1	6,2	7,0	Khá	
60	Lý Văn Vững	CD-CNOT16B	06/03/2004	Đắk Lắk	Nam	Công nghệ Ô tô	6,7	7,7	7,7	7,4	Khá	
61	Phan Văn Hoàng	CD-CNOT16C	27/01/2004	Phú Yên	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	7,3	6,7	6,8	Đạt	
62	Phạm Minh Huy	CD-KTXD16	26/08/2001	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	6,7	7,6	7,0	7,1	Khá	
63	Nguyễn Thành Long	CD-CNOT16C	10/10/2001	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,1	8,0	6,9	7,0	Đạt	
64	Hồ Mai Khắc Triệu	CD-CNOT16C	11/10/2002	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	7,7	7,1	7,0	Khá	
65	Trần Thái Hoàng	CD-CNOT16D	20/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,9	7,6	7,1	7,2	Khá	
66	Hoàng Văn Mẫn	CD-CNOT16D	06/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,5	7,5	7,3	7,1	Khá	
67	Trương Hoàng Phong Phú	CD-CNOT16D	16/03/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,5	7,4	6,6	6,8	Đạt	
68	Đặng Đức Quang	CD-CNOT16D	25/02/1999	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,7	7,4	6,7	6,9	Đạt	
69	Nguyễn Hồng Sơn	CD-CNOT16D	22/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	7,2	6,7	6,7	Đạt	
70	Nguyễn Ngọc Thiện	CD-CNOT16D	06/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	7,6	6,2	6,7	Đạt	
71	Trịnh Văn Toàn	CD-CNOT16D	12/03/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,5	7,5	6,0	6,7	Đạt	
72	Mai Đặng Trung	CD-CNOT16D	18/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,7	7,7	7,1	7,1	Khá	
73	Đỗ Đăng Chinh	CD-CNTT16A	24/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,0	7,3	7,3	6,9	Đạt	
74	Đinh Ngô Chí Cường	CD-CNTT16A	17/03/2000	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,0	7,0	6,9	6,6	Đạt	
75	Nguyễn Minh Duy	CD-CNTT16A	10/08/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,4	7,9	6,7	7,0	Đạt	
76	Lê Minh Huy	CD-CNTT16A	12/06/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,1	7,4	6,7	6,7	Đạt	
77	Võ Hoàng Trường Huy	CD-CNTT16A	04/03/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	5,9	7,5	6,7	6,7	Đạt	
78	Nguyễn Chí Khang	CD-CNTT16A	29/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,3	7,4	6,3	6,7	Đạt	
79	Nguyễn Tuấn Kiệt	CD-CNTT16A	24/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	5,9	6,9	6,4	6,4	Đạt	
80	Võ Ngọc Nghĩa	CD-CNTT16A	13/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,4	7,4	7,1	7,0	Khá	
81	Trần Minh Nhật	CD-CNTT16A	05/10/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,1	7,6	7,3	7,0	Đạt	
82	Võ Hoàng Phát	CD-CNTT16A	21/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,4	7,2	7,3	6,9	Đạt	
83	Lê Minh Phúc	CD-CNTT16A	11/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,4	7,5	7,1	7,0	Khá	
84	Nguyễn Tấn Tài	CD-CNTT16A	03/02/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,7	7,8	6,3	6,9	Đạt	
85	Phạm Tân	CD-CNTT16A	13/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,7	7,7	6,3	6,9	Đạt	
86	Lê Tất Thành	CD-CNTT16A	11/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,7	7,3	7,3	7,1	Khá	
87	Trịnh Tấn Tiến	CD-CNTT16A	14/03/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,7	7,6	6,2	6,8	Đạt	
88	Vy Nhật Tiến	CD-CNTT16A	16/06/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,4	7,7	6,7	6,9	Đạt	
89	Lê Văn Tín	CD-CNTT16A	20/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,0	7,0	6,6	6,5	Đạt	
90	Lưu Quang Vinh	CD-CNTT16A	01/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,6	7,1	7,0	6,9	Đạt	
91	Nguyễn Nhật Ý	CD-CNTT16A	05/03/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	5,7	5,3	6,4	5,8	Đạt	
92	Nguyễn Duy Đông	CD-CNTT16A	07/06/2004	Đắk Lắk	Nam	Công nghệ thông tin	6,4	8,0	6,4	6,9	Đạt	
93	Nguyễn Ngọc Thái Bảo	CD-CNTT16B	02/07/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,4	6,6	5,9	6,3	Đạt	
94	Huỳnh Văn Công	CD-CNTT16B	04/10/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,1	5,0	5,3	5,5	Đạt	
95	Lê Hoàng Minh Huy	CD-CNTT16B	23/10/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,1	6,7	6,6	6,5	Đạt	
96	Phạm Hùng Huy	CD-CNTT16B	19/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,5	7,4	6,7	6,9	Đạt	
97	Nguyễn Anh Hùng	CD-CNTT16B	24/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,6	7,9	7,0	7,1	Khá	
98	Nguyễn Thành Long	CD-CNTT16B	10/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,3	7,4	6,4	6,7	Đạt	
99	Huỳnh Nhật Minh	CD-CNTT16B	05/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,2	7,3	6,4	6,6	Đạt	

100	Lê Trần Nhật Minh	CD-CNTT16B	13/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,0	7,0	6,2	6,4	Đạt	
101	Hùng Ngọc Nam	CD-CNTT16B	13/09/2004	Ninh Thuận	Nam	Công nghệ thông tin	6,4	7,3	6,2	6,6	Đạt	
102	Nguyễn Huỳnh Phương Nam	CD-CNTT16B	02/08/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,4	7,2	7,1	6,9	Đạt	
103	Trương Trần Trọng Nghĩa	CD-CNTT16B	21/10/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	5,7	7,3	6,6	6,5	Đạt	
104	Huỳnh Tấn Ngọc	CD-CNTT16B	01/08/2000	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,0	7,4	7,0	6,8	Đạt	
105	Phan Minh Nhân	CD-CNTT16B	18/08/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,0	5,0	7,8	6,3	Đạt	
106	Nguyễn Minh Nhật	CD-CNTT16B	25/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,2	5,9	6,2	6,1	Đạt	
107	Phan Thanh Phúc	CD-CNTT16B	03/08/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,4	7,4	5,9	6,6	Đạt	
108	Vũ Trường Phúc	CD-CNTT16B	12/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,7	7,7	6,3	6,9	Đạt	
109	Nguyễn Phước Tài	CD-CNTT16B	15/04/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	5,4	7,2	7,1	6,6	Đạt	
110	Phạm Ngọc Thi	CD-CNTT16B	22/06/2004	Phú Yên	Nam	Công nghệ thông tin	6,3	5,0	7,0	6,1	Đạt	
111	Trần Đình Thông	CD-CNTT16B	21/07/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	5,9	7,4	6,4	6,6	Đạt	
112	Trương Bửu Tuệ	CD-CNTT16B	11/11/2000	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,2	6,8	6,4	6,5	Đạt	
113	Trần Vinh	CD-CNTT16B	11/07/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,7	6,3	6,2	6,4	Đạt	
114	Võ Duy Anh	CD-ĐCN16A	25/08/2003	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,8	7,4	6,0	6,8	Đạt	
115	Phạm Minh Cường	CD-ĐCN16A	21/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,7	7,7	6,0	6,8	Đạt	
116	Nguyễn Văn Hải	CD-ĐCN16A	05/11/1993	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,9	7,6	5,9	6,8	Đạt	
117	Phan Nguyễn Thương Hiền	CD-ĐCN16A	30/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,8	7,8	6,9	7,1	Khá	
118	Bùi Viết Huy	CD-ĐCN16A	10/10/1992	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,6	6,7	7,0	6,8	Đạt	
119	Trần Gia Khôi	CD-ĐCN16A	15/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,7	7,7	7,1	7,1	Khá	
120	Nguyễn Duy Trung	CD-ĐCN16A	05/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	7,1	8,0	6,6	7,2	Khá	
121	Tổng Trần Việt	CD-ĐCN16A	05/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,5	8,1	7,0	7,2	Khá	
122	Trần Hiệp Hưng	CD-ĐCN16B	20/04/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,1	7,2	7,3	6,9	Đạt	
123	Nguyễn Hoàng Khương	CD-ĐCN16B	06/05/1995	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,2	5,0	5,9	5,7	Đạt	
124	Nguyễn Ngọc Bảo Long	CD-ĐCN16B	17/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,9	5,3	5,9	6,0	Đạt	
125	Trần Vinh Quang	CD-ĐCN16B	08/06/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,4	7,3	6,4	6,7	Đạt	
126	Lê Hữu Quốc	CD-ĐCN16B	28/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,7	7,7	6,1	6,9	Đạt	
127	Võ Văn Quyển	CD-ĐCN16B	08/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,4	5,0	7,0	6,1	Đạt	
128	Lê Hữu Quốc Trung	CD-ĐCN16B	26/10/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,4	5,0	6,6	6,0	Đạt	
129	Trần Duy Trung	CD-ĐCN16B	25/02/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	7,1	8,1	6,7	7,3	Khá	
130	Châu Quốc Việt	CD-ĐCN16B	02/10/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,4	6,7	6,9	6,6	Đạt	
131	Nguyễn Tiến Hưng	CD-ĐĐT16	19/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Kỹ thuật điện, Điện tử	6,4	5,0	7,6	6,3	Đạt	
132	Lê Ngọc Khanh	CD-ĐĐT16	05/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Kỹ thuật điện, Điện tử	6,6	7,6	6,6	6,9	Đạt	
133	Nguyễn Mậu Minh Quang	CD-ĐĐT16	09/10/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Kỹ thuật điện, Điện tử	6,3	5,0	6,7	6,0	Đạt	
134	Huỳnh Bảo Châu	CD-KTDN16	10/09/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	6,8	5,0	7,0	6,3	Đạt	
135	Lê Quốc Cường	CD-KTDN16	28/02/2004	Khánh Hòa	Nam	Kế toán doanh nghiệp	6,4	7,0	5,4	6,3	Đạt	
136	Lê Nguyễn Khánh Huyền	CD-KTDN16	29/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Kế toán doanh nghiệp	7,3	8,1	7,1	7,5	Khá	
137	Lê Phương Uyên	CD-KTDN16	16/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	6,7	7,4	6,6	6,9	Đạt	
138	Phạm Tú Uyên	CD-KTDN16	12/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7,4	8,0	6,6	7,3	Khá	
139	Nguyễn Đức Phú	CD-KTDN16	01/03/2003	Khánh Hòa	Nam	Kế toán doanh nghiệp	5,7	5,0	6,3	5,7	Đạt	
140	Nguyễn Ngọc Thống	CD-KTDN16	06/07/2004	Khánh Hòa	Nam	Kế toán doanh nghiệp	6,7	7,1	6,4	6,7	Đạt	
141	Phạm Thị Thanh Thúy	CD-KTDN16	14/07/1998	Nghệ An	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7,7	8,1	6,6	7,5	Khá	
142	Phan Đình Vũ	CD-KTDN16	16/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Kế toán doanh nghiệp	5,0	7,3	5,6	6,0	Đạt	
143	Vũ Minh Trường	CD-KTDN16	23/03/2000	Bắc Ninh	Nam	Kế toán doanh nghiệp	6,2	5,0	5,9	5,7	Đạt	
144	Hà Thị Thu Huyền	CD-KTDN16	05/12/2002	Đắk Lắk	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7,0	7,1	6,4	6,8	Đạt	
145	Nguyễn Thanh Trịnh	CD-KTDN16	06/11/2001	Khánh Hòa	Nam	Kế toán doanh nghiệp	6,3	5,3	7,1	6,2	Đạt	
146	Trần Thới An	CD-KTML16A	10/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,0	7,3	6,9	6,7	Đạt	
147	Hà Trọng Chiến	CD-KTML16A	05/09/2004	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,4	7,5	7,0	7,0	Đạt	

148	Trần Công Duy	CD-KTML16A	09/07/2003	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,4	7,1	6,7	6,7	Đạt	
149	Nguyễn Tấn Đạt	CD-KTML16A	01/03/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,0	6,5	6,2	6,2	Đạt	
150	Nguyễn Huy Hoàng	CD-KTML16A	04/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,7	7,5	5,9	6,7	Đạt	
151	Hồ Trung Hòa	CD-KTML16A	09/08/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5,7	7,3	7,0	6,7	Đạt	
152	Phạm Thanh Huy	CD-KTML16A	28/04/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5,7	7,3	7,0	6,7	Đạt	
153	Đặng Huy Hùng	CD-KTML16A	01/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,1	7,8	7,3	7,1	Khá	
154	Lê Nguyễn Hưng	CD-KTML16A	30/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,1	7,3	6,2	6,5	Đạt	
155	Võ Xuân Long	CD-KTML16A	29/03/2001	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,7	6,9	5,6	6,4	Đạt	
156	Dương Trọng Nghĩa	CD-KTML16A	04/02/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,0	7,2	8,1	7,1	Khá	
157	Nguyễn Kim Quốc	CD-KTML16A	19/03/2004	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,0	7,6	7,0	6,9	Đạt	
158	Nguyễn Trọng Tân	CD-KTML16A	29/03/2003	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,0	6,0	5,7	5,9	Đạt	
159	Nguyễn Sĩ Thành	CD-KTML16A	06/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,0	5,2	6,7	5,9	Đạt	
160	Đặng Trung Thân	CD-KTML16A	02/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,4	7,0	6,7	6,7	Đạt	
161	Đặng Trung Thương	CD-KTML16A	02/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,0	5,0	8,3	6,4	Đạt	
162	Võ Ti	CD-KTML16A	10/03/2004	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,3	7,4	7,1	6,9	Đạt	
163	Phan Trung Tính	CD-KTML16A	21/08/2002	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,1	7,8	6,7	6,9	Đạt	
164	Lê Quốc Trí	CD-KTML16A	07/01/2003	Ninh Thuận	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,6	7,5	6,7	6,9	Đạt	
165	Đoàn Văn Trường	CD-KTML16A	26/03/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,4	7,6	6,9	6,9	Đạt	
166	Nguyễn Thành Nam	CD-KTML16A	22/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,4	7,4	6,2	6,7	Đạt	
167	Nguyễn Võ Hoàng Anh	CD-KTML16B	26/06/2002	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,1	7,7	5,9	6,6	Đạt	
168	Lê Đức Cường	CD-KTML16B	14/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,2	7,7	6,0	6,6	Đạt	
169	Huỳnh Được	CD-KTML16B	15/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,2	7,5	6,7	6,8	Đạt	
170	Võ Minh Hiếu	CD-KTML16B	07/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7,1	8,1	7,0	7,4	Khá	
171	Đặng Văn Hòa	CD-KTML16B	06/01/2000	Đắk Lắk	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,7	5,9	5,4	6,0	Đạt	
172	Trần Đức Huy	CD-KTML16B	24/08/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,1	7,4	6,6	6,7	Đạt	
173	Đinh Dĩ Khang	CD-KTML16B	15/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,4	7,5	7,1	7,0	Khá	
174	Phạm Nam Khánh	CD-KTML16B	03/06/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,5	6,6	6,6	6,6	Đạt	
175	Phạm Anh Kiệt	CD-KTML16B	19/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,6	7,9	6,7	7,0	Khá	
176	Huỳnh Hữu Lợi	CD-KTML16B	07/02/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,3	7,8	6,7	6,9	Đạt	
177	Trương Nguyễn Khôi Nguyên	CD-KTML16B	22/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,4	7,7	6,9	7,0	Khá	
178	Nguyễn Hồng Quân	CD-KTML16B	29/10/2001	Hà Tĩnh	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,7	7,7	5,6	6,7	Đạt	

179	Phạm Hữu Quốc	CD-KTML16B	06/02/2003	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,1	7,3	6,6	6,7	Đạt	
180	Trịnh Đăng Minh Thắng	CD-KTML16B	07/08/1990	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,4	7,9	6,7	7,0	Khá	
181	Hà Quốc Tuấn	CD-KTML16B	24/01/2004	Đắk Lắk	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,4	7,7	7,3	7,1	Khá	
182	Nguyễn Lữ Bách Khuê	CD-KTML16B	01/06/2000	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,3	7,3	6,7	6,7	Đạt	
183	Hoàng Ngọc Phi	CD-KTML16B	28/08/2003	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,3	7,4	6,6	6,8	Đạt	
184	Châu Quốc Huy	CD-KTXD16	29/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	6,4	7,7	6,4	6,8	Đạt	
185	Trần Thanh Huy	CD-KTXD16	12/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	6,4	7,5	6,4	6,8	Đạt	
186	Trần Lâm Khang	CD-KTXD16	07/11/2000	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	7,0	8,1	8,0	7,7	Khá	
187	Bùi Ngọc Lý	CD-KTXD16	25/11/2001	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật xây dựng	6,7	7,0	6,6	6,8	Đạt	
188	Nguyễn Hà Đức Mạnh	CD-KTXD16	05/01/2000	Đắk Lắk	Nam	Kỹ thuật xây dựng	7,0	7,7	6,9	7,2	Khá	
189	Hồ Sỹ Phong	CD-KTXD16	22/05/2000	Quảng Bình	Nam	Kỹ thuật xây dựng	7,0	8,0	6,9	7,3	Khá	
190	Tô Hoàng Trương Phong	CD-KTXD16	24/10/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	6,9	6,4	6,7	6,6	Đạt	
191	Nguyễn Tấn Phụng	CD-KTXD16	09/04/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	6,3	6,4	6,7	6,5	Đạt	
192	Đào Ngọc Phương	CD-KTXD16	15/03/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	6,3	7,7	7,1	7,0	Khá	
193	Lê Trung Tiến	CD-KTXD16	15/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	6,4	6,3	7,1	6,6	Đạt	
194	Lê Minh Trí	CD-KTXD16	07/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	6,5	7,7	6,2	6,8	Đạt	
195	Nguyễn Tấn Duy	CD-KTXD16	22/03/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	7,0	7,5	6,0	6,8	Đạt	
196	Ngô Thành Ân	CD-QTKS16	05/10/2004	Đắk Lắk	Nam	Quản trị khách sạn	6,1	7,0	6,0	6,3	Đạt	
197	Nguyễn Thị Phương Diên	CD-QTKS16	10/10/2004	Khánh Hòa	Nữ	Quản trị khách sạn	6,2	5,3	7,1	6,2	Đạt	
198	Lê Thế Duy	CD-QTKS16	04/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Quản trị khách sạn	6,2	5,2	8,1	6,5	Đạt	
199	Phạm Ngọc Dũng	CD-QTKS16	13/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Quản trị khách sạn	6,2	6,3	7,3	6,6	Đạt	
200	Lương Thị Trà Giang	CD-QTKS16	06/06/2001	Đắk Lắk	Nữ	Quản trị khách sạn	6,7	7,8	6,7	7,1	Khá	
201	Nguyễn Trần Trung Hiếu	CD-QTKS16	11/03/2004	Khánh Hòa	Nam	Quản trị khách sạn	6,4	7,4	6,7	6,8	Đạt	
202	Nguyễn Đức Hoàng	CD-QTKS16	15/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Quản trị khách sạn	6,4	7,2	6,4	6,7	Đạt	
203	Nguyễn Hoàng Kiệt	CD-QTKS16	20/06/2003	Ninh Thuận	Nam	Quản trị khách sạn	6,4	7,3	6,3	6,7	Đạt	
204	Nguyễn Thành Lộc	CD-QTKS16	14/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Quản trị khách sạn	6,0	6,6	6,3	6,3	Đạt	
205	Hoàng Thị Kiều Ngân	CD-QTKS16	06/10/2004	Quảng Bình	Nữ	Quản trị khách sạn	6,2	6,6	6,6	6,4	Đạt	
206	Phan Tiến Phát	CD-QTKS16	18/12/2001	Khánh Hòa	Nam	Quản trị khách sạn	6,0	5,3	6,3	5,9	Đạt	
207	Đặng Quốc Thái	CD-QTKS16	28/10/2004	Khánh Hòa	Nam	Quản trị khách sạn	6,1	7,4	6,4	6,6	Đạt	
208	Bùi Nhật Vinh	CD-QTKS16	19/06/2004	Khánh Hòa	Nam	Quản trị khách sạn	5,7	5,3	5,0	5,3	Đạt	
209	Nguyễn Văn Gia Huân	CD-QTKS16	01/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Quản trị khách sạn	6,0	5,2	6,4	5,9	Đạt	
210	Trần Minh Cảnh	CD-CN0T16A	08/07/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,0	5,9	6,6	6,1	Đạt	
211	Huỳnh Quốc Cường	CD-CN0T16A	02/01/2003	Phú Yên	Nam	Công nghệ Ô tô	6,2	5,0	6,3	5,8	Đạt	
212	Võ Thành Duy	CD-CN0T16A	19/03/2004	Phú Yên	Nam	Công nghệ Ô tô	5,9	5,0	6,3	5,7	Đạt	
213	Nguyễn Trọng Quốc Huy	CD-CN0T16A	18/12/2004	Gia Lai	Nam	Công nghệ Ô tô	7,1	8,0	6,4	7,2	Khá	
214	Phan Đăng Khôi	CD-CN0T16A	07/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,0	5,0	7,3	5,8	Đạt	
215	Nguyễn Tuấn Lợi	CD-CN0T16A	18/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,0	5,0	7,0	6,0	Đạt	
216	Bùi Thái Phú	CD-CN0T16A	06/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	5,2	6,2	5,9	Đạt	
217	Trần Trọng Quốc	CD-CN0T16A	17/03/2004	Ninh Thuận	Nam	Công nghệ Ô tô	6,6	6,6	6,6	6,6	Đạt	
218	Mạc Mạnh Quỳnh	CD-CN0T16A	28/09/2004	Thái Nguyên	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	6,3	5,9	6,2	Đạt	
219	Mai Suzuki	CD-CN0T16A	18/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,8	7,5	5,7	6,7	Đạt	
220	Phạm Hữu Thiện	CD-CN0T16A	23/06/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,8	7,3	7,3	7,1	Khá	
221	Huỳnh Minh Trí	CD-CN0T16A	21/07/2001	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	5,2	8,0	6,5	Đạt	
222	Phạm Nguyễn Văn Hoài Anh	CD-CN0T16B	11/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,7	7,4	7,4	6,8	Đạt	
223	Trần Ngọc Bảo	CD-CN0T16B	08/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	7,7	6,7	6,9	Đạt	
224	Đặng Quốc Chung	CD-CN0T16B	27/08/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,6	7,9	7,6	7,3	Khá	
225	Nguyễn Chí Cường	CD-CN0T16B	03/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	7,2	7,5	6,4	7,1	Khá	
226	Huỳnh Tiến Đạt	CD-CN0T16B	29/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	7,6	6,7	6,9	Đạt	
227	Phan Hải	CD-CN0T16B	13/04/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,3	7,7	6,6	6,8	Đạt	
228	Ngô Đăng Khôi	CD-CN0T16B	29/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	7,9	6,7	7,0	Đạt	
229	Nguyễn Hóa Phúc	CD-CN0T16B	16/06/2004	Phú Yên	Nam	Công nghệ Ô tô	5,7	7,7	7,0	6,8	Đạt	
230	Nguyễn Thành Tài	CD-CN0T16B	10/04/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	7,7	7,0	7,0	Khá	
231	Huỳnh Xuân Thân	CD-CN0T16B	05/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,6	7,6	6,2	6,8	Đạt	

232	Nguyễn Đức Toàn	CB-CNOT16B	26/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,7	7,8	6,2	6,6	Đạt	
233	Nguyễn Văn Cường	CB-CNOT16C	04/02/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	7,7	6,6	6,9	Đạt	
234	Nguyễn Đức Duy	CB-CNOT16C	10/12/2004	Bình Định	Nam	Công nghệ Ô tô	5,0	5,9	6,6	5,8	Đạt	
235	Đặng Việt Đức	CB-CNOT16C	17/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,2	7,0	5,9	6,3	Đạt	
236	Phạm Hoàng Sang Huy	CB-CNOT16C	29/07/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,2	6,6	6,0	6,3	Đạt	
237	Đặng Minh Khoa	CB-CNOT16C	18/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,9	5,2	6,0	5,7	Đạt	
238	Đinh Đức Khương	CB-CNOT16C	10/08/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,0	7,3	7,3	6,9	Đạt	
239	Nguyễn Hoàng Luân	CB-CNOT16C	19/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,0	7,2	7,1	6,4	Đạt	
240	Nguyễn Trần Trung Nam	CB-CNOT16C	09/07/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,4	7,5	8,1	7,0	Khá	
241	Trần Nguyễn Hoàng Phúc	CB-CNOT16C	29/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,4	7,7	6,7	6,6	Đạt	
242	Lê Trương Quân	CB-CNOT16C	04/08/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	7,9	6,6	6,9	Đạt	
243	Nguyễn Minh Quyền	CB-CNOT16C	30/08/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,0	7,7	6,6	6,7	Đạt	
244	Lê Hồng Sơn	CB-CNOT16C	24/02/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,9	7,3	5,9	6,4	Đạt	
245	Tô Thành Tài	CB-CNOT16C	04/07/2004	Ninh Thuận	Nam	Công nghệ Ô tô	5,5	7,4	7,1	6,7	Đạt	
246	Nguyễn Hữu Thuận	CB-CNOT16C	27/05/1999	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,5	7,3	7,0	6,9	Đạt	
247	Phạm Minh Tuấn	CB-CNOT16C	26/02/2002	Ninh Thuận	Nam	Công nghệ Ô tô	6,0	5,2	6,7	6,0	Đạt	
248	Mai Thiên Triệu	CB-CNOT16C	20/06/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,1	6,6	6,9	6,5	Đạt	
249	Hồ Đăng Trung	CB-CNOT16C	29/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,0	5,0	6,7	5,6	Đạt	
250	Nguyễn Đoàn Văn	CB-CNOT16C	05/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,6	7,7	6,7	7,0	Đạt	
251	Dương Quốc Cường	CB-CNOT16D	13/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,7	5,6	7,3	6,2	Đạt	
252	Kiều Anh Duy	CB-CNOT16D	24/07/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,5	7,2	6,2	6,6	Đạt	
253	Tôn Sỹ Hào	CB-CNOT16D	16/06/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,3	7,5	8,3	7,4	Khá	
254	Nguyễn Minh Hiếu	CB-CNOT16D	20/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,3	7,4	6,6	6,8	Đạt	
255	Nguyễn Minh Huy	CB-CNOT16D	06/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,1	5,0	6,9	6,0	Đạt	
256	Huỳnh Tiến Khoa	CB-CNOT16D	18/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	5,2	6,9	6,2	Đạt	
257	Lê Đại Lộc	CB-CNOT16D	10/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,1	7,6	6,7	6,8	Đạt	
258	Võ Thành Nhân	CB-CNOT16D	01/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,6	7,4	6,7	6,6	Đạt	
259	Vũ Hoàng Gia Nhật	CB-CNOT16D	07/04/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,0	5,9	7,0	6,0	Đạt	
260	Trương Huỳnh Phát	CB-CNOT16D	31/03/1998	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,3	5,2	7,1	6,2	Đạt	
261	Nguyễn Quốc Thắng	CB-CNOT16D	23/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	7,4	6,2	6,6	Đạt	
262	Nguyễn Đức Tín	CB-CNOT16D	23/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,1	7,4	6,0	6,5	Đạt	
263	Nguyễn Trần Thiên Văn	CB-CNOT16D	06/08/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,1	5,2	7,0	6,1	Đạt	
264	Võ Hoàng Việt	CB-CNOT16D	14/06/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	5,0	6,6	6,4	6,0	Đạt	
265	Nguyễn Quốc Vũ	CB-CNOT16D	04/06/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Ô tô	6,4	7,4	6,6	6,8	Đạt	
266	Phan Nguyễn Thành Đạt	CB-CNTT16A	09/06/2001	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,1	5,0	6,6	5,9	Đạt	
267	Ninh Thái Hưng	CB-CNTT16A	17/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	5,1	5,9	6,3	5,8	Đạt	
268	Nguyễn Ninh Long	CB-CNTT16A	17/03/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	5,9	6,3	7,1	6,4	Đạt	
269	Trần Thanh Nguyên	CB-CNTT16A	07/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	5,0	7,5	7,0	6,5	Đạt	
270	Võ Hà Hiếu Nhẫn	CB-CNTT16A	03/06/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,6	5,0	6,7	6,1	Đạt	
271	Nguyễn Xuân Thắng	CB-CNTT16A	26/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,4	6,6	7,1	6,7	Đạt	
272	Nguyễn Trần Phương Thông	CB-CNTT16A	05/08/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,1	6,6	8,0	6,9	Đạt	
273	Đặng Minh Tiến	CB-CNTT16A	11/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,4	6,6	7,1	6,7	Đạt	
274	Nguyễn Hữu Toàn	CB-CNTT16A	19/06/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,5	7,3	6,7	6,8	Đạt	
275	Trần Ngọc Ty	CB-CNTT16A	16/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,4	7,6	6,6	6,9	Đạt	
276	Phan Đức Bình	CB-CNTT16B	01/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	5,9	7,0	6,6	6,5	Đạt	
277	Nguyễn Gia Hân	CB-CNTT16B	27/12/2004	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Công nghệ thông tin	6,4	7,1	6,7	6,7	Đạt	
278	Võ Đức Luân	CB-CNTT16B	06/08/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,5	7,7	5,4	6,5	Đạt	
279	Bùi Nhật Tân	CB-CNTT16B	26/11/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	5,2	7,7	6,3	6,4	Đạt	
280	Đinh Thị Hồng Thắm	CB-CNTT16B	02/02/2004	Khánh Hòa	Nữ	Công nghệ thông tin	7,2	6,7	7,3	7,1	Khá	
281	Nguyễn Gia Tuyền	CB-CNTT16B	09/07/2004	Khánh Hòa	Nữ	Công nghệ thông tin	6,5	7,4	6,7	6,9	Đạt	
282	Lê Văn Tường	CB-CNTT16B	26/04/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,6	7,3	7,3	7,0	Khá	
283	Nguyễn Vĩnh Tường	CB-CNTT16B	21/08/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	6,7	7,9	6,7	7,1	Khá	
284	Đỗ Phi Hùng	CB-CNTT16B	09/10/2000	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ thông tin	5,0	5,0	7,1	5,7	Đạt	
285	Trần Hoàng	CD-DCN16A	26/04/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	5,0	7,3	6,9	6,4	Đạt	

286	Nguyễn Quốc Khánh	CD-ĐCN16A	30/08/2002	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,8	8,1	5,9	6,9	Đạt	
287	Nguyễn Tuấn Minh	CD-ĐCN16A	21/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	5,0	7,4	6,4	6,3	Đạt	
288	Nguyễn Nhật Phát	CD-ĐCN16A	19/07/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,4	7,0	7,7	7,0	Khá	
289	Thuận Anh Phước	CD-ĐCN16A	25/06/2003	Ninh Thuận	Nam	Điện công nghiệp	5,4	5,2	6,4	5,7	Đạt	
290	Nguyễn Tiến Sang	CD-ĐCN16A	18/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,4	8,0	6,4	6,9	Đạt	
291	Nguyễn Văn Tài	CD-ĐCN16A	10/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,6	5,9	6,6	6,4	Đạt	
292	Hồ Anh Thiên	CD-ĐCN16A	07/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,2	7,4	7,0	6,9	Đạt	
293	Nguyễn Minh Thuận	CD-ĐCN16A	08/10/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	5,1	7,5	6,9	6,5	Đạt	
294	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	CD-ĐCN16A	08/07/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,4	5,2	5,9	5,8	Đạt	
295	Lê Đức Duy	CD-ĐCN16B	23/10/1998	Đắk Lắk	Nam	Điện công nghiệp	6,1	5,2	6,2	5,8	Đạt	
296	Phan Văn Giáp	CD-ĐCN16B	01/07/2004	Đắk Lắk	Nam	Điện công nghiệp	6,4	7,5	6,3	6,7	Đạt	
297	Nguyễn Quốc Hậu	CD-ĐCN16B	17/04/2001	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	5,0	5,3	5,0	5,1	Đạt	
298	Nguyễn Văn Hiếu	CD-ĐCN16B	08/08/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	5,0	7,4	7,0	6,5	Đạt	
299	Lê Quốc Khải	CD-ĐCN16B	09/06/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,4	7,4	7,1	7,0	Đạt	
300	Phan Minh Khôi	CD-ĐCN16B	19/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	5,0	7,6	6,6	6,4	Đạt	
301	Võ Trương Mẫn	CD-ĐCN16B	10/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,6	7,4	6,6	6,9	Đạt	
302	Phạm Hữu Phú	CD-ĐCN16B	30/07/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	5,0	7,4	6,9	6,4	Đạt	
303	Lương Minh Trà	CD-ĐCN16B	28/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,1	5,9	6,4	6,1	Đạt	
304	Lê Huỳnh Trí	CD-ĐCN16B	19/12/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,5	7,0	7,0	6,8	Đạt	
305	Nguyễn Tuấn Vũ	CD-ĐCN16B	05/10/2004	Khánh Hòa	Nam	Điện công nghiệp	6,9	7,4	7,3	7,2	Khá	
306	Lương Công Đại	CD-ĐĐT16	23/11/2004	Phú Yên	Nam	Công nghệ Kỹ thuật điện, Điện tử	6,8	7,4	6,6	6,9	Đạt	
307	Ngô Thanh Độ	CD-ĐĐT16	03/02/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Kỹ thuật điện, Điện tử	6,3	7,7	6,7	6,9	Đạt	
308	Phạm Văn Huy	CD-ĐĐT16	09/10/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Kỹ thuật điện, Điện tử	6,4	7,1	6,7	6,7	Đạt	
309	Trần Nguyễn Đức Huy	CD-ĐĐT16	30/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Kỹ thuật điện, Điện tử	6,8	7,9	6,6	7,1	Khá	
310	Huỳnh Thanh Hưng	CD-ĐĐT16	22/01/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Kỹ thuật điện, Điện tử	6,7	5,0	6,2	6,0	Đạt	
311	Tổng Hữu Phúc	CD-ĐĐT16	25/02/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Kỹ thuật điện, Điện tử	6,8	6,3	7,1	6,7	Đạt	
312	Nguyễn Thanh Quý	CD-ĐĐT16	02/02/2003	Ninh Thuận	Nam	Công nghệ Kỹ thuật điện, Điện tử	5,7	6,6	6,7	6,3	Đạt	
313	Nguyễn Minh Thanh	CD-ĐĐT16	20/08/2003	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Kỹ thuật điện, Điện tử	6,6	6,7	6,6	6,6	Đạt	
314	Bo Bo Nam	CD-ĐĐT16	02/02/2004	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ Kỹ thuật điện, Điện tử	6,4	7,7	7,1	7,1	Khá	
315	Nguyễn Văn An	CD-KTXD16	17/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	6,1	8,0	6,9	7,0	Đạt	
316	Trần Văn Bảo	CD-KTXD16	08/05/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	6,4	7,7	6,6	6,9	Đạt	
317	Trần Lê Anh Dân	CD-KTXD16	26/09/2004	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	6,3	7,5	7,1	7,0	Đạt	
318	Lê Công Đức	CD-KTXD16	24/06/2004	Gia Lai	Nam	Kỹ thuật xây dựng	6,1	7,1	6,3	6,5	Đạt	
319	Nguyễn Ngô Bá Phước	CD-KTXD15	03/06/1990	Khánh Hòa	Nam	Du lịch	7,1	8,1	6,7	7,3	Khá	
320	Trần Trọng Pháp	CD-CBTP 15	22/03/2003	Khánh Hòa	Nam	Chế biến thực phẩm	6,4	7,4	6,7	6,8	Đạt	
321	Huỳnh Minh Chiến	CD-KTXD15	26/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	6,9	8,1	6,3	7,1	Khá	
322	Lê Hải Triều	CD-KTXD15	19/12/2002	Khánh Hòa	Nam	Cơ khí	6,6	7,4	6,4	6,8	Đạt	
323	Võ Tấn Đạt	CD-KTXD15	21/09/2001	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	6,9	8,0	6,4	7,1	Khá	
324	Phan Hồng Thanh Lai	CD-KTXD15	13/06/2002	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	7,0	8,0	6,3	7,1	Khá	
325	Trần Lê Kỳ Duyên	CDKTDNK15	21/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Kế toán	7,2	6,7	5,6	6,5	Đạt	
326	Phạm Thị Phương Thảo	CDKTDNK15	25/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Kế toán	6,7	7,3	5,6	6,5	Đạt	
327	Ngô Quốc Bảo	CD-KTXD15	25/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng	6,4	8,0	6,9	7,1	Khá	